

Họ và tên: _____ Lớp 2 _____ Trường Tiểu học _____

=====

ÔN TẬP – ĐỀ 4

I. TRẮC NGHIỆM

Nhấn chọn đáp án đúng:

Câu 1. Kết quả của phép tính $12 - 5$ là:

- A. 6 B. 7 C. 8 D. 4

Câu 2. 6 là kết quả của phép tính nào dưới đây:

- A. $12 - 9$ B. $14 - 5$ C. $16 - 8$ D. $12 - 6$

Câu 3. Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm khi so sánh $11 - 5$ $12 - 8$

- A. $>$ B. $<$ C. $=$ D. không so sánh được

Câu 4. Điền vào chỗ chấm trong phép tính $13 \text{ cm} - 5 \text{ cm} = \dots$ cho phù hợp:

- A. 7 B. 8 cm C. 7 cm D. 7

Câu 5. Mẹ mua 16 cái bánh. Mẹ biếu bà 9 cái bánh. Vậy số bánh mẹ còn lại:

- A. 7 cái bánh B. 8 cái bánh C. 6 cái bánh D. 5 cái bánh

II. PHÂN TỰ LUẬN

Điền vào chỗ trống.

Bài 1. Lớp Hai 1 có 12 bạn nữ, 13 bạn nam. Hỏi lớp đó có **tất cả** bao nhiêu bạn?

Tóm tắt

Bài giải

Nữ:.....bạn.

Nam :.....bạn.

..... + =

Tất cả :.....bạn?

Đáp số :.....

Bài 2. Tấn Thành có **tất cả** 12 cây bút chì. Tấn Thành cho cô Hoài 7 cây. Hỏi Tấn Thành còn lại bao nhiêu cây bút chì?

Tóm tắt

Bài giải

Tất cả:..... cây.

Cho đi:.....cây

..... + =

Còn lại:.....cây?

Đáp số :.....

Bài 3. Bảo Như có 35 trái mận, Bảo Thy có 23 trái mận . Hỏi hai bạn có **tất cả** bao nhiêu trái mận?

Tóm tắt

Bảo Như:.....trái.

Bảo Thy:.....trái.

Tất cả:.....trái?

Bài giải

$$..... + =$$

Đáp số :.....

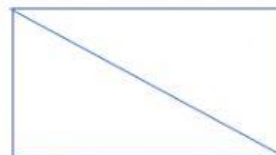
Bài 4. Mỗi hình vẽ dưới đây có bao nhiêu đoạn thẳng?



Có đoạn thẳng



Có đoạn thẳng



Có đoạn thẳng

Bài 5. Số ?

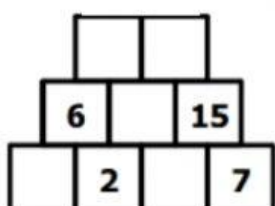
Số liền trước	Số đã cho	Số liền sau
	55	
	36	
	69	
	99	

Bài 6. Đúng chọn Đ, sai chọn S:

- Số liền trước của 34 là 44.
- Số liền sau của 59 là 60.
- Số liền sau của 99 là 100.
- Số 22 là số liền sau của 23.



Bài 7. Nhấn chọn số thích hợp, kéo - thả vào ô trống:



4 16 25

10 8

